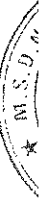


BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho Quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH



MỤC LỤC

----- oOo -----

	<i>Trang</i>
1- Bảng Cân Đối Kế Toán	1 - 4
2- Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh	5
3- Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ	6 - 7
4- Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính	8 - 23

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mẫu số B 01 - DN

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		70,357,902,449	86,163,201,323
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		55,563,029,096	63,862,391,455
1. Tiền	111		243,029,096	20,779,010,355
2. Các khoản tương đương tiền	112		55,320,000,000	43,083,381,100
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10,087,000,000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10,087,000,000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4,582,888,455	21,746,759,197
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		760,639,524	14,414,084,602
2. Trả trước cho người bán	132		95,900,000	1,525,242,893
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		2,500,000,000	-
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136		1,274,699,369	6,026,269,429
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(48,350,438)	(251,869,246)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	33,031,519
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		124,984,898	554,050,671
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	548,091,934
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		124,984,898	5,958,737
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mẫu số B 01 - DN

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		224,717,816,293	227,430,722,492
(200 = 210+220+240+250+260)				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3,474,617,902	5,275,711,902
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		2,852,492,902	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		622,125,000	5,275,711,902
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		19,226,809,920	20,786,258,417
1. Tài sản cố định hữu hình	221		5,936,469,060	7,495,917,557
- Nguyên giá	222		10,041,604,768	13,050,086,563
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4,105,135,708)	(5,554,169,006)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		13,290,340,860	13,290,340,860
- Nguyên giá	228		13,290,340,860	13,290,340,860
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III Bất động sản đầu tư	230		66,672,251,631	67,736,283,633
- Nguyên giá	231		75,781,699,978	75,781,699,978
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(9,109,448,347)	(8,045,416,345)
IV Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		135,299,837,340	133,632,468,540
1. Đầu tư vào công ty con	251		130,312,000,000	130,312,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		8,080,800,000	8,080,800,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3,092,962,660)	(4,760,331,460)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		44,299,500	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		44,299,500	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		295,075,718,742	313,593,923,815

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mẫu số B 01 - DN

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		8,275,353,208	29,078,305,560
I. Nợ ngắn hạn	310		7,191,582,208	27,994,534,560
1. Phải trả người bán ngắn hạn	312			11,270,866,675
2. Người mua trả tiền trước	313		-	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		1,376,724,268	8,541,435,542
4. Phải trả người lao động	315		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	319		723,000,000	699,293,216
9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	320		1,427,465,217	3,818,546,404
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn				
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3,664,392,723	3,664,392,723
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1,083,771,000	1,083,771,000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Chi phí phải trả dài hạn	332		-	-
3. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	333			
4. Phải trả nội bộ dài hạn	334			
5. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	335		-	-
6. Phải trả dài hạn khác	336		1,083,771,000	1,083,771,000
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	337		-	-
8. Trái phiếu chuyển đổi	338			
9. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	339		-	-
10. Dự phòng phải trả dài hạn	340		-	-
11. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	341		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mẫu số B 01 - DN

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		286,800,365,534	284,515,618,255
I. Vốn chủ sở hữu	410		286,800,365,534	284,515,618,255
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		138,013,850,000	138,013,850,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2,572,620,000	2,572,620,000
3. Quyền chọn trái phiếu chuyển đổi	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(2,206,190,840)	(2,206,190,840)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		17,682,346,542	17,682,346,542
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		130,737,739,832	128,452,992,553
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		120,138,660,289	128,452,992,553
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10,599,079,543	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		295,075,718,742	313,593,923,815

TP.HCM, ngày 28 tháng 07 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng




TRỊNH THỊ THANH NHÀN

ĐINH THỊ HỒNG VÂN

Tổng Giám Đốc



YUNG CAM MENG

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho Quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mẫu số B 02 - DN

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	<u>Quý II/2015</u>	<u>Quý II/2014</u>	<u>Lũy kế 2015</u>	<u>Lũy kế 2014</u>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI. 1	2,487,629,183	56,972,891,669	7,210,726,111	105,992,723,740
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI. 2	1,177,110	39,950,240	2,177,110	366,901,149
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2,486,452,073	56,932,941,429	7,208,549,001	105,625,822,591
4. Giá vốn hàng bán	11	VI. 3	545,083,292	20,739,738,083	1,965,499,044	47,540,790,131
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1,941,368,781	36,193,203,346	5,243,049,957	58,085,032,460
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	9,079,083,710	3,768,536,117	13,888,543,974	4,592,987,657
7. Chi phí tài chính	22	VI. 5	(1,667,363,291)	(440,067,821)	-1,667,329,477	(440,050,131)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	24	V.6	-	10,643,106,978	24,075,268	20,012,619,277
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.7	1,281,534,750	7,656,768,474	3,705,748,578	14,758,522,242
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)	30		11,406,281,032	22,101,931,832	17,069,099,562	28,346,928,729
11. Thu nhập khác	31	V.8	12,330,314	1,471,101	344,821,816	1,478,594
12. Chi phí khác	32	V.9	153,024,220	98,300,176	332,172,796	112,168,513
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(140,693,906)	(96,829,075)	12,649,020	(110,689,919)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		11,265,587,126	22,005,102,757	17,081,748,582	28,236,238,810
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		666,507,583	4,213,682,607	1,056,616,303	5,584,532,539
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		10,599,079,543	17,791,420,150	16,025,132,279	22,651,706,271

Người lập biểu


Trịnh Thị Thanh Nhân

Kế Toán Trưởng


Đinh Thị Hồng Vân

TP.HCM, ngày 28 tháng 07 năm 2015

Tổng Giám Đốc


Yung Cam Meng

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu số B 03 - DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho Quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	<u>Đến 30/06/2015</u>	<u>Đến 30/06/2014</u>
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	17,081,748,582	28,236,238,810
2. Điều chỉnh cho các khoản :			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1,460,481,774	3,725,154,001
- Các khoản dự phòng	03	(1,870,887,608)	(676,276,749)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi (-), lỗ (+) từ hoạt động đầu tư	05	(14,161,225,097)	(4,514,475,674)
- Chi phí lãi vay	06	-	-
- Các khoản điều chỉnh khác			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn			
3. Lưu động	08	2,510,117,651	26,770,640,388
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09	21,886,957,389	6,496,642,794
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10	-	(8,344,729,043)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(16,429,833,339)	(9,513,519,320)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12	503,792,434	(186,640,866)
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		
- Tiền Lãi vay đã trả	14	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6,109,613,316)	(7,061,220,967)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền Chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(2,500,000,000)	(4,810,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20	(138,579,181)	3,351,172,986
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(1,146,254,358)
2. Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1,495,454,545	-
3. Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10,087,000,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27	13,491,269,277	4,514,475,674
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30	4,899,723,822	3,368,221,316

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu số B 03 - DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho Quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	<u>Đến 30/06/2015</u>	<u>Đến 30/06/2014</u>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
Trong đó tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	33a	-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-
Trong đó tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	34a	-	-
5. Tiền trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(13,060,507,000)	(11,866,211,600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(13,060,507,000)	(11,866,211,600)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+ 30 + 40)	50	(8,299,362,359)	(5,146,817,298)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	63,862,391,455	72,963,128,179
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	55,563,029,096	67,816,310,881

TP.HCM, ngày 28 tháng 07 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TRỊNH THỊ THANH NHÂN

ĐINH THỊ HỒNG VÂN



Tổng Giám Đốc

YUNG CAM MENG

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **Quý II Năm 2015**

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại, dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh** : Mua bán thiết bị văn phòng, máy photocopy, máy vi tính, vật tư ngành in và phụ tùng, máy fax, máy chụp ảnh, máy quay phim, linh kiện phụ tùng; văn phòng phẩm, thiết bị điện, vật liệu điện, hàng kim khí điện máy, điện tử gia dụng, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị văn phòng, máy fax, máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế; Cho thuê thiết bị văn phòng; Mua bán, sửa chữa bảo dưỡng thiết bị chữa cháy; Lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy (không rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở).
- Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 Công ty có 08 nhân viên đang làm việc.
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Ngày 29 tháng 10 năm 2014, Công ty đã góp vốn thành lập Công ty cổ phần thiết bị văn phòng Siêu Thanh (công ty con) và chuyển phần lớn hoạt động kinh doanh sang công ty này.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư 200/2014/TT/BTC của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 04
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

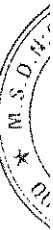
Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.



CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	46
Nhà cửa, vật kiến trúc	25

8. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

11. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

12. **Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

13. **Trích lập các quỹ**

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm	Không có mức trích lập tối đa
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm	Không có mức trích lập tối đa

14. **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2014 : 21.405 VND/USD
30/06/2015 : 21.590 VND/USD

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.6.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối quý II</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	666	192.207.752
Tiền gửi ngân hàng	243.028.430	20.586.802.603
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>55.320.000.000</u>	<u>43.083.381.100</u>
Cộng	<u>55.563.029.096</u>	<u>63.862.391.455</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

+ Đầu tư vào công ty con

	Số cuối Quý 2/2015			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự Phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự Phòng	Giá trị hợp lý
Công ty cổ phần ô tô Kim Thanh ^(a)	28.520.000.000	-	28.520.000.000	28.520.000.000	-	28.520.000.000
Công ty cổ phần ô tô Cường Thanh ^(b)	22.592.000.000	(3.092.962.660)	19.499.037.340	22.592.000.000	(4.760.331.460)	17.831.668.540
Công ty cổ phần thiết bị văn phòng Siêu Thanh ^(c)	79.200.000.000	-	79.200.000.000	79.200.000.000	-	79.200.000.000
Tổng Cộng	130.312.000.000	(3.092.962.660)	127.219.037.340	130.312.000.000	(4.760.331.460)	125.551.668.540

^(a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103010901 ngày 24 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần ô tô Kim Thanh là 28.520.000.000 VND, tương đương 55,06% vốn điều lệ.

^(b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305273107 ngày 24 tháng 10 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần ô tô Cường Thanh là 22.592.000.000 VND, tương đương 58,23% vốn điều lệ.

^(c) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312992783 ngày 29 tháng 10 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần thiết bị văn phòng Siêu Thanh là 79.200.000.00 VND, tương đương 90,00% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**+ Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối Quý 2/2015			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự Phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự Phòng	Giá trị hợp lý
Công ty cổ phần Điện Cơ	3.580.800.000	-	3.580.800.000	3.580.800.000	-	3.580.800.000
Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh điện lực	4.500.000.000	-	4.500.000.000	4.500.000.000	-	4.500.000.000
Tổng Cộng	8.080.800.000	-	8.080.800.000	8.080.800.000	-	8.080.800.000

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối quý II	Số đầu năm
Các khách hàng của Trụ sở chính tại TP. Hồ Chí Minh	760.639.524	5.278.568.567
Các khách hàng của Chi nhánh tại TP. Hà Nội	-	2.449.641.454
Các khách hàng của Chi nhánh tại TP. Đà Nẵng	-	690.590.216
Các khách hàng của Chi nhánh tại TP. Vũng Tàu	-	1.298.535.806
Các khách hàng của Chi nhánh tại tỉnh Đồng Nai	-	962.268.857
Các khách hàng của Chi nhánh tại tỉnh Bình Dương	-	1.041.157.010
Các khách hàng của Chi nhánh tại TP. Cần Thơ	-	1.261.255.390
Các khách hàng của Chi nhánh tại tỉnh Long An	-	312.685.831
Các khách hàng của Chi nhánh Tây Hà Nội	-	976.272.743
Các khách hàng của Chi nhánh tại tỉnh An Giang	-	143.108.728
Cộng	760.639.524	14.414.084.602

4. Các khoản cho vay

	Số cuối quý II	Số đầu năm
• Các khoản cho vay ngắn hạn		
Công ty cổ phần ô tô Cường Thanh – tiền cho vay	2.500.000.000	-
Cộng	2.500.000.000	-
• Các khoản cho vay dài hạn		
Cho nhân viên vay tiền không tính lãi	2.852.492.902	-
Cộng	2.852.492.902	-

5. Phải thu khác

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

• Các khoản phải thu ngắn hạn		Số cuối quý II	Số đầu năm
Tạm ứng		596.000.000	1.588.990.955
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		341.199.369	316.053.422
Cổ tức từ công ty CP Điện Lực		337.500.000	-
Công ty CP Ô tô Cường Thanh			4.100.000.000
Các khoản phải thu khác		-	21.225.052
Cộng		1.274.699.369	6.026.269.429

• Các khoản phải thu dài hạn		Số cuối quý II	Số đầu năm
Cho nhân viên mượn tiền			4.102.986.902
Ký quỹ tiền thuê nhà		622.125.000	1.172.725.000
Cộng		622.125.000	5.275.711.902

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối quý II	Số đầu năm
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	20.153.674	29.745.119
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	28.196.764	147.319.834
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	-	-
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên	-	74.804.293
Cộng	48.350.438	251.869.246

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

Số đầu năm	251.869.246
Hoàn nhập dự phòng	(203.518.808)
Số cuối năm	48.350.438

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	9.033.986.773		4.016.099.790	13.050.086.563
Mua sắm mới	-		-	-
Thanh lý, nhượng bán	-		3.008.481.794	3.008.481.794
Số cuối quý II	9.033.986.773	-	1.007.617.996	10.041.604.768
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	3.596.822.938	-	1.957.346.068	5.554.169.006
Khấu hao trong kỳ	151.448.772		245.001.000	396.449.772
Thanh lý, nhượng bán			1.845.483.068	1.845.483.068

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Số cuối quý II	3.748.271.710	-	356.864.000	4.105.135.708
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	5.437.163.835	-	2.058.753.722	7.495.917.557
Số cuối quý II	5.285.715.063	-	650.753.996	5.936.469.060
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-
8. Tăng, giảm bất động sản đầu tư				
	Quyền sử dụng đất	Nhà	Cộng	
Nguyên giá				
Số đầu năm	49.461.000.000	26.320.699.978	75.781.699.978	
Số cuối quý II	49.461.000.000	26.320.699.978	75.781.699.978	
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	3.225.708.000	4.819.708.345	8.045.416.345	
Khấu hao trong kỳ	537.618.000	526.414.002	1.064.032.002	
Số cuối quý II	3.763.326.000	5.346.122.347	9.109.448.347	
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	46.235.292.000	21.500.991.633	67.736.283.633	
Số cuối quý II	45.697.674.000	20.974.577.631	66.672.251.631	
9. Chi phí trả trước				
Chi phí trả trước ngắn hạn		Số cuối quý II	Số đầu năm	
Công cụ, dụng cụ		-	-	
Chi phí thuê nhà, văn phòng		-	548.091.934	
Cộng		0	548.091.934	
Chi phí trả trước dài hạn		Số cuối quý II	Số đầu năm	
Chi phí sửa nhà, văn phòng		44.299.500	-	
Cộng		44.299.500	-	
10. Phải trả người bán		Số cuối quý II	Số đầu năm	
Công ty cổ phần thiết bị văn phòng Siêu Thanh		-	11.264.426.835	
Các nhà cung cấp khác		-	6.439.840	
Cộng		0	11.270.866.675	

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối quý 2
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.639.076.586	744.077.438	3.325.261.730	57.892.294
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.719.504.596	1.056.616.303	6.109.613.316	666.507.583
Thuế thu nhập cá nhân	182.854.360	596.501.275	127.031.244	652.324.391
Các loại thuế khác	-	12.000.000	12.000.000	-
Cộng	8.541.435.542	2.409.195.016	9.573.906.290	1.376.724.268

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng trong khu chế xuất	0%
- Cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng ngoài khu ngoài chế xuất trong nước	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong quý được dự tính như sau:

	Quý II /2015	Quý II /2014
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.265.587.126	22.005.102.757
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	332.172.796	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(8.568.180.000)	(2.852.000.000)
Thu nhập chịu thuế	3.029.579.922	19.153.102.757
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	666.507.583	4.213.682.607
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	666.507.583	4.213.682.607

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối quý II	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	10.802.324	-
Cổ tức phải trả	20.754.625	21.435.775
Nhận ký quỹ, ký cược	917.804.475	1.930.597.775
Các khoản phải trả khác	478.103.793	1.866.512.854
Cộng	1.427.465.217	3.818.546.404

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ tiền cho thuê quyền sử dụng một phần lô đất tại quận 8, TP. Hồ Chí Minh của Công ty TNHH nhà hàng Vọng Các.

14. Doanh thu chưa thực hiện

Tiền cho thuê mặt bằng nhận trước

15. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm **trang 23**.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối quý II</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.801.385	13.801.385
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.801.385	13.801.385
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13.801.385	13.801.385
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	61.000	61.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	61.000	61.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.740.385	13.740.385
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13.740.385	13.740.385
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm là doanh thu của hàng hóa và dịch vụ cho thuê đã cung cấp.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Quý II/2015</u>	<u>Quý II/2014</u>
Chiết khấu thương mại	-	39.950.240
Giảm giá hàng bán	1.177.110	-
Hàng bán bị trả lại	-	-
Cộng	1.177.110	39.950.240

3. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ là giá vốn của hàng hóa và dịch vụ cho thuê đã cung cấp

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý II/2015</u>	<u>Quý II/2014</u>
--	--------------------	--------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Quý II/2015</u>	<u>Quý II/2014</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	7.915.221	21.604.804
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	457.194.669	891.177.876
Lãi cho vay	19.444.430	-
Lãi bán hàng trả chậm	26.349.390	3.544.886
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.568.180.000	2.852.000.000
Lãi khác	-	208.551
Cộng	<u>9.079.083.710</u>	<u>3.768.536.117</u>
5. Chi phí tài chính		
	<u>Quý II/2015</u>	<u>Quý II/2014</u>
Hoàn nhập dự phòng khoản đầu tư cáo công ty con	(1.667.368.800)	(440.067.821)
Các chi phí tài chính khác	5.509	-
Cộng	<u>(1.667.363.291)</u>	<u>(440.067.821)</u>
6. Chi phí bán hàng		
	<u>Quý II/2015</u>	<u>Quý II/2014</u>
Chi phí cho nhân viên	-	9.893.936.130
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	16.987.192
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	259.693.348
Chi phí khác	-	472.490.308
Cộng	<u>-</u>	<u>10.643.106.978</u>
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Quý II/2015</u>	<u>Quý II/2014</u>
Chi phí cho nhân viên	476.704.371	3.590.511.446
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	358.152.673
Chi phí khấu hao tài sản cố định	138.700.386	512.866.386
Chi phí dự phòng	(203.518.808)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	798.726.335	2.350.936.559
Chi phí khác	70.922.466	844.301.410
Cộng	<u>1.281.534.750</u>	<u>7.656.768.474</u>
8. Thu nhập khác		
	<u>Quý II/2015</u>	<u>Quý II/2014</u>
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	-
Thu nhập khác	12.330.314	1.471.101
Cộng	<u>12.330.314</u>	<u>1.471.101</u>
9. Chi phí khác		
	<u>Quý II/2015</u>	<u>Quý II/2014</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	-	-
Chi phí khác	153.024.220	98.300.176
Cộng	<u>153.024.220</u>	<u>98.300.176</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Quý II/2015</u>	<u>Quý II/2014</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.067.291	20.244.092.849
Chi phí nhân công	476.704.371	13.484.447.576
Chi phí khấu hao tài sản cố định	670.716.387	1.383.651.485
Chi phí dịch vụ mua ngoài	798.726.335	2.610.629.907
Chi phí dự phòng	(203.518.808)	-
Chi phí khác	70.922.466	1.316.791.718
Cộng	<u>1.826.618.042</u>	<u>39.039.613.535</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Điều chỉnh lại số đầu năm trên bảng cân đối kế toán theo thông tư 200/2014/TT/BTC**

STT	Tên khoản mục	Mã số	Số đầu năm trước khi điều chỉnh	Số điều chỉnh	Số đầu năm sau khi điều chỉnh
1	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	4.121.225.052	1.905.044.377	6.026.269.429
2	Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	33.031.519	33.031.519
3	Tài sản ngắn hạn khác	155	1.938.075.896	(1.938.075.896)	-
4	Phải thu dài hạn khác	216	4.102.986.902	1.172.725.000	5.275.711.902
5	Tài sản dài hạn khác	268	1.172.725.000	(1.172.725.000)	-
6	Quỹ đầu tư phát triển	418	3.880.961.542	13.801.385.000	17.682.346.542
					-

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần ô tô Kim Thanh	Công ty con
Công ty cổ phần ô tô Cường Thanh	Công ty con
Công ty cổ phần thiết bị văn phòng Siêu Thanh	Công ty con

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Quý 2/2015</u>
Công ty cổ phần ô tô Kim Thanh	
Bán hàng hóa và dịch vụ	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	-
Mua tài sản	-
Cho vay, mượn tiền	-
Nhận cổ tức	-
Lãi cho vay	-
Công ty cổ phần ô tô Cường Thanh	
Mua hàng hóa	-
Mua tài sản	-

170
TY
ẤN
HẠN
HỮU CỬ

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Quý 2/2015</u>
Bán hàng hóa và dịch vụ	976.363.635
Cho vay, mượn tiền	
Lãi cho vay	7.666.660
Công ty cổ phần thiết bị văn phòng Siêu Thanh	
Mua hàng hóa và dịch vụ	13.067.291
Bán hàng hóa và dịch vụ	748.090.908
Cho vay, mượn tiền	-
Nhận cổ tức	7.920.000.000
Lãi cho vay	11.777.770

Tại ngày 30/06/2015, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối Quý 2</u>
Công ty cổ phần ô tô Cường Thanh	
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	358.000.000
Phải thu tiền cho vay	2.500.000.000
Cộng nợ phải thu	<u><u>2.858.000.000</u></u>

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.


Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.


3. Giải trình biến động kết quả hoạt động kinh doanh quý 2/2015 và quý 2/2014 trên báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ

Lợi nhuận sau thuế của công ty quý 2/2015 giảm 7,2 tỷ đồng so với quý 2/2014 tương đương tỷ lệ giảm 40,4% là do :

Bắt đầu từ tháng 12 năm 2014 Công ty đã chuyển toàn bộ hoạt động kinh doanh thiết bị văn phòng sang cho công ty con. Vì vậy doanh thu, giá vốn, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan đến hoạt động kinh doanh thiết bị văn phòng cũng được chuyển sang hạch toán vào công ty con làm cho lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ giảm mạnh so với cùng kỳ. Kết quả hoạt động kinh doanh thiết bị văn phòng quý 2/2015 sẽ được ghi nhận trong báo cáo tài chính quý 2/2015 của Công ty Cổ phần Thiết Bị Văn Phòng Siêu Thanh và báo cáo tài chính hợp nhất quý 2/2015 của Công ty Cổ phần Siêu Thanh.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2015


Trịnh Thị Thanh Nhân
Người lập biểu


Đinh Thị Hồng Vân
Kế toán trưởng


Yung Cam Meng
Tổng Giám đốc



Phu lục 1

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2014	125,525,230,000	2,572,620,000	(2,206,190,840)	-	3,880,961,542	12,552,523,000	115,765,463,583	258,090,607,285
Tăng vốn	-						-	-
Lợi nhuận trong kỳ							52,656,918,970	52,656,918,970
Chia cổ tức (CP)	12,488,620,000						(12,488,620,000)	-
Trích lập các Quỹ						1,248,862,000	(1,248,862,000)	-
Chia cổ tức bằng tiền							(26,231,908,000)	(26,231,908,000)
Giảm khác								-
Số dư tại 31/12/2014	138,013,850,000	2,572,620,000	(2,206,190,840)	-	3,880,961,542	13,801,385,000	128,452,992,553	284,515,618,255
Số dư tại 01/01/2015	138,013,850,000	2,572,620,000	(2,206,190,840)	-	17,682,346,542	-	128,452,992,553	284,515,618,255
Tăng vốn							-	-
Lợi nhuận trong kỳ							16,025,132,279	16,025,132,279
Taêng khâuc								-
Chia cổ tức (CP)							-	-
Chuy�n đ�i c�c Quĩ					-	-	-	-
Chia cổ tức bằng tiền							(13,740,385,000)	(13,740,385,000)
Giảm khác								-
Số dư tại 30/06/2015	138,013,850,000	2,572,620,000	(2,206,190,840)	-	17,682,346,542	-	130,737,739,832	286,800,365,534